

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUÁN TRỮ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, Học kì II năm học 2021-2022

(Kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	755	133	134	130	198	160
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	268	133	134	0	0	0
III	Số học sinh chia theo năng lực	755	133	134	130	198	160
1	VỀ năng lực (Năng lực chung)						
1.1	Tự phục vụ (Tự chủ và tự học)	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Tốt	622 82,3%	117 87,3%	111 82,2%	111 85,3%	169 85,3%	114 71,25%
	- Đạt	132 17,4%	16 12,7%	23 17,8%	18 13,8%	29 14,7%	46 28,75%
	- Cần cố gắng	01 0,3%			01 0,9%		
1.2	Hợp tác (Giao tiếp và hợp tác)	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Tốt	586 77,6%	108 81,2%	107 79,8%	109 83,8%	158 79,8%	104 65%
	- Đạt	168 22,1%	15 8,8%	27 20,2%	20 15,3%	40 20,2%	56 35%
	- Cần cố gắng	01 0,3%			01 0,9%		
1.3	Tự học giải quyết vấn đề (Giải quyết vấn đề và sáng tạo)	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Tốt	524 69,4%	111 83,4%	104 77,6%	100 76,9%	139 70,2%	70 43,8%
	- Đạt	230 30,3%	22 16,6%	30 22,4%	29 22,2%	59 29,8%	90 56,2%
	- Cần cố gắng	01 0,3%			01 0,9%		
2	VỀ năng lực đặc thù						
2.1	Ngôn ngữ	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	239 89,5%	119 89,4%	120 89,5%			
	- Đạt	28 10,5%	14 10,6%	14 10,5%			
	- Cần cố gắng						
2.2	Tính toán	267	133	134			



Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Chia ra: - Tốt	229 85,7%	123 92,4%	106 79,1%			
	- Đạt	38 14,3%	10 7,6%	28 20,9%			
	- Cần cố gắng						
2.3	Khoa học	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	239 89,5%	117 87,9%	112 83,5%			
	- Đạt	38 10,5%	16 12,1%	22 16,5%			
	- Cần cố gắng						
2.4	Thảm mĩ	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	237 88,7%	120 90,2%	117 87,3%			
	- Đạt	40 11,3%	13 9,8%	17 12,7%			
	- Cần cố gắng						
2.5	Thể chất	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	258 96,6%	126 94,7%	132 98,5%			
	- Đạt	9 3,4%	7 5,3%	2 1,5%			
	- Cần cố gắng						
3	Về phẩm chất (KHỐI 3, 4, 5)						
3.1	Chăm học chăm làm	488			130	198	160
	Chia ra: - Tốt	298 61%			92 70,7%	129 65,2%	77 48,1%
	- Đạt	189 38,8%			37 28,4%	69 34,8%	83 51,9%
	- Cần cố gắng	01 0,2%			01 0,9%		
3.2	Tự tin trách nhiệm	488			130	198	160
	Chia ra: - Tốt	357 73,1%			112 86,1%	147 74,2%	98 61,3%
	- Đạt	130 26,7%			17 13%	51 25,8%	62 38,7%
	- Cần cố gắng	01 0,2%			01 0,9%		
3.3	Trung thực, kỷ luật	488			130	198	160
	Chia ra: - Tốt	459 94%			128 98,2%	189 95,5%	142 88,8%
	- Đạt	28 5,8%			01 0,9%	09 4,5%	18 11,2%

Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	- Cần cố gắng	01 0,2%			01 0,9%		
3.4	Đoàn kết, yêu thương	488			130	198	160
	Chia ra: - Tốt	478 97,9%			129 99,1%	195 98,5%	154 96,3%
	- Đạt	09 1,9%				03 0,5%	06 3,7%
	- Cần cố gắng	01 0,2%			01 0,9%		
4	Về phẩm chất (KHỐI 1, 2)						
4.1	Yêu nước	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	267 100%	133 100%	134 100%			
	- Đạt						
	- Cần cố gắng						
4.2	Nhân ái	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	267 100%	133 100%	134 100%			
	- Đạt						
	- Cần cố gắng						
4.3	Chăm chỉ	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	218 81,6%	115 86,4%	103 76,8%			
	- Đạt	49 18,4%	18 13,6%	31 23,2%			
	- Cần cố gắng						
4.4	Trung thực	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	267 100%	133 100%	134 100%			
	- Đạt						
	- Cần cố gắng						
4.5	Trách nhiệm	267	133	134			
	Chia ra: - Tốt	243 91%	131 98,4%	112 83,5%			
	- Đạt	24 9%	02 1,6%	22 16,5%			
	- Cần cố gắng						
IV	Số học sinh chia theo học lực						
1	Toán	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	519 68,7%	119 89,4%	98 73,1%	91 70%	129 65,15%	82 51,2%
	- Hoàn thành	234 31,1%	13 9,7%	36 26,9%	38 29,1%	69 34,85%	78 48,8%
	- Chưa hoàn thành	02 0,2%	01 0,9%		01 0,9%		



Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
2	Tiếng Việt	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	514 68%	111 83,4%	100 74,6%	92 70,7%	141 71,21%	70 43,8%
	- Hoàn thành	239 31,8%	21 15,7%	34 25,4%	37 28,4%	57 28,79%	90 56,2%
	- Chưa hoàn thành	02 0,2%	01 0,9%		01 0,9%		
3	Đạo đức	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	622 82,3%	125 93,9%	116 86,6%	105 80,7%	158 79,8%	118 73,7%
	- Hoàn thành	133 17,7%	08 6,1%	18 13,4%	25 19,3%	40 20,2%	42 26,3%
	- Chưa hoàn thành						
4	Tự nhiên - Xã hội	397	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	332 83,6%	117 87,9%	110 82,1%	105 80,7%	x	x
	- Hoàn thành	65 16,2%	16 12,1%	24 17,9%	24 8,4%	x	x
	- Chưa hoàn thành	01 0,2%			01 0,9%	x	x
5	Khoa học	358				198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	250 69,8%				150 75,76%	100 62,5%
	- Hoàn thành	108 30,2%	x	x	x	48 24,24%	60 37,5%
	- Chưa hoàn thành		x	x	x		
6	Lịch sử & Địa lí	358				198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	275 76,8%	x	x	x	149 75,25%	126 78,7%
	- Hoàn thành	83 23,2%	x	x	x	49 24,75%	34 21,3%
	- Chưa hoàn thành		x	x	x		
7	Âm nhạc	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	521 69,1%	110 82,7%	103 76,9%	99 76,1%	132 66,67%	77 48,13%
	- Hoàn thành	234 30,9%	23 17,3%	31 23,1%	31 23,9%	66 33,33%	83 51,87%
	- Chưa hoàn thành						

Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
8	Mĩ thuật	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	521 69%	112 84,2%	100 74,6%	91 76%	130 65,66%	88 55%
	- Hoàn thành	234 31%	21 15,8%	34 25,4%	39 24%	68 34,34%	72 45%
	- Chưa hoàn thành						
9	Thủ công, Kỹ thuật	488			130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	357 73,1%	x	x	102 78,3%	150 75,76%	105 65,6%
	- Hoàn thành	131 26,9%	x	x	28 21,7%	48 24,24%	55 34,4%
	- Chưa hoàn thành						
10	Thể dục	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	597 79,1%	123 92,4%	109 81,3%	110 84,5%	142 71,72%	113 70,6%
	- Hoàn thành	158 20,9%	10 7,6%	25 18,7%	20 15,5%	56 28,28%	47 29,4%
	- Chưa hoàn thành						
11	Hoạt động trải nghiệm	267	133	134			
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	228 85,3%	120 90,2%	108 80,6%	x	x	x
	- Hoàn thành	39 14,7%	13 9,8%	26 19,4%	x	x	x
	- Chưa hoàn thành						
12	Ngoại ngữ	755	133	134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	553 73,2%	114 85,7%	112 83,6%	104 79,9%	136 68,69%	87 54,38%
	- Hoàn thành	202 26,8%	19 14,3%	22 16,4%	26 20,1%	62 31,31%	73 45,62%
	- Chưa hoàn thành						
13	Tiếng dân tộc						
	Chia ra: - Hoàn thành tốt						
	- Hoàn thành						
	- Chưa hoàn thành						
14	Tin học	622		134	130	198	160
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	486 78,1%	x	105 77,78%	100 76,9%	147 74,27%	134 83,5%
	- Hoàn thành	13 21,8%	x	29 21,48%	29 22,2%	51 25,73%	26 16,25%
	- Chưa hoàn thành	01			01		



Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		0,1%			0,9%		
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	755	133	134	130	198	160
	Chia ra:	753	132	134	129	198	160
	- Hoàn thành chương trình lớp học	99,7%	99,2%	100%	99,2%	100%	100%
	- Chưa hoàn thành chương trình lớp học	02 0,3%	01 0,8%		01 0,8%		
	Trong đó:						
	+ Chưa hoàn thành nhưng được lên lớp						
	+ Ở lại lớp						
	+ Rèn luyện trong hè	02 0,3%	01 0,8%		01 0,8%		
	Khen thưởng	755	133	134	130	198	160
	- Giấy khen cấp trường	545 72,1%	110 82,7%	95 70,8%	98 75,3%	151 76,2%	91 56,8%
	- Giấy khen cấp trên						
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)						160 100%

Quản Trú, ngày 30 tháng 5 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Vu Thị Minh